

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4006/2024/DS-ST

Ngày: 27/8/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 989/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6089/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng H, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Nhật M, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đường N, Khu phố H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Lê Hồng H trình bày:

Ngày 25/4/2024, ông H và ông Vũ Nhật M ký kết hợp đồng vay tiền, theo đó, ông H cho ông M vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 25/4/2024 đến ngày 03/5/2024, phương thức trả nợ: gốc và lãi trả toàn bộ vào ngày 03/5/2024. Ông H đã chuyển khoản số tiền vay 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông M, số tài khoản 2508441993 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam làm hai lần, mỗi lần chuyển 500.000.000 đồng vào cùng ngày 25/4/2024.

Hết thời hạn vay, ông H nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền nợ gốc và lãi nhưng ông M vẫn không trả. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông M trả cho ông H số tiền vay 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Số tiền ông H cho ông M vay là tiền của cá nhân ông H, không liên quan đến vợ là bà Nguyễn Thị Huy. Do đó, ông M đề nghị Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Huy vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Ông H chỉ cho cá nhân ông M vay tiền nên chỉ yêu cầu cá nhân ông M phải trả tiền cho ông H.

Ngoài ra, ông H không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Vũ Nhật M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

3.1 Nguyên đơn ông Lê Hồng H có đơn yêu cầu được vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Vũ Nhật M trả số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

3.2 Bị đơn ông Vũ Nhật M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lê Hồng H yêu cầu ông Vũ Nhật M trả số tiền nợ vay. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông M có thường trú tại địa chỉ số 74/1, Đường Ngô Chí Quốc, Khu phố 2 (Khu phố mới 22), phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, đi từ ngày 04/5/2024, đi đâu làm gì không rõ nơi đến. Theo hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2024 giữa ông H và ông M thể hiện địa chỉ ông M ghi trong hợp đồng là địa chỉ nơi thường trú. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Ông H xác định số tiền cho ông M vay là tài sản riêng của ông H, không liên quan đến vợ là bà Nguyễn Thị Huy. Đồng thời, bà Huy cũng xác định số tiền này là tài sản riêng của ông H, không liên quan đến bà Huy. Bà Huy và ông H đều yêu cầu Tòa án không đưa bà Huy vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc khởi kiện của ông H không liên quan đến bà Huy nên không cần thiết phải đưa bà Huy vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Nguyên đơn ông Lê Hồng H có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Bị đơn ông Vũ Nhật M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2024 giữa ông H với ông M và sổ phụ kèm phiếu báo nợ/có, phụ lục thông tin đối ứng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định – Phòng Giao dịch Đỗ Xuân Hợp cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định ông H đã cho ông M vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: từ ngày 25/4/2024 đến hết ngày 03/5/2024, gốc và lãi trả toàn bộ vào ngày 03/5/2024. Ông H đã chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông M, số tài khoản 2508441993, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam. Đến hạn trả tiền, ông M không trả nên ông H khởi kiện yêu cầu ông M trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

Ông H không yêu cầu ông M trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông M phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông H và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng H.

Buộc ông Vũ Nhật M có trách nhiệm trả cho ông Lê Hồng H số tiền nợ là 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hồng H không yêu cầu ông Vũ Nhật M trả tiền lãi.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Nhật M phải chịu là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

Trả lại cho ông Lê Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026840 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Hồng H, ông Vũ Nhật M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức, TP HCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TP HCM;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu